

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1048/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-9-2018  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Ngọc Thanh

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :** Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 551/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L – sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Phường A, quận Tân Phú.

Bị đơn: Ông Đinh Viết T – sinh năm 1983 ( Có mặt)

Địa chỉ: Phường A, quận Tân Phú.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L trình bày:

Bà và ông Đinh Viết T tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 192/2014, quyển số 01/2014 ngày 20/10/2014. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại địa chỉ số X phường A, quận Tân Phú, sau đó chuyển sang địa chỉ số Y phường A, quận Tân Phú. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt. Năm 2017, bà cũng đã nộp đơn xin ly hôn, nhưng sau khi được Thẩm phán động viên, hòa giải và cũng mong muốn cho ông T một cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên bà đã rút đơn xin ly hôn với ông T. Tuy nhiên, đời sống hôn nhân của ông bà không được cải thiện, ông T không thay đổi thái độ cử chỉ, vợ chồng vẫn không hiểu ý nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Ông T không tôn trọng gia đình bà, hay nóng nảy, mất kiểm soát, có lúc đánh bà, làm bà rất tổn thương, có lời lẽ xúc phạm đến cha mẹ bà. Sự việc thiếu kiểm soát bản thân ở ông T xảy ra thường xuyên. Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, bà không còn hy vọng ông T thay đổi, khắc phục khuyết điểm, bản thân nhận thấy không còn tình cảm gì với ông T. Do đó bà yêu cầu Tòa án chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Đinh Viết T để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đinh Viết T trình bày:

Thời gian kết hôn và chung sống đúng như bà L trình bày. Mâu thuẫn chủ yếu do tập quán vùng miền không hòa hợp. Mỗi người chưa biết nhìn nhận ra khuyết điểm sai của mình, không nhường nhịn lẫn nhau. Ông thừa nhận là tính tình có phần nóng nảy, có lúc đánh vợ nhưng đó là khi mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm. Bên cạnh đó gia đình nhà vợ cũng hay can thiệp đến chuyện riêng của vợ chồng. Đôi khi tức giận thiếu kiểm soát nên cũng có lời lẽ lớn tiếng với gia đình nhà vợ. Tuy nhiên, với ông gia đình vẫn luôn là quan trọng nhất, ông chăm lo kinh tế cho gia đình, phụ giúp vợ trong việc chăm nom con, dọn dẹp nhà cửa nhưng vợ ông vẫn không nhìn nhận những việc ông làm. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn, ông vẫn còn thương vợ con và mong muốn gia đình hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con chung nên không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông bà cùng xác nhận có 02 con là trẻ Đinh Viết Gia K sinh ngày 18/01/2015 và trẻ Đinh Kiều An N sinh ngày 25/3/2017 Bà L yêu cầu được nuôi hai con chung. Do các con của bà còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Thời gian làm việc của bà là giờ hành chính, thu nhập ổn định nên có điều kiện chăm sóc con hơn ông T. Yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng/02 trẻ. Ông T xác nhận thu nhập 15.000.000đồng/tháng. Nếu tòa án xử cho ly hôn giao con cho bà L nuôi dưỡng thì khả năng ông đóng góp cấp dưỡng nuôi con là từ 5 triệu/tháng/02 trẻ.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai của các bên và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà L và ông T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Ông bà khai có 02 con chung, bà L yêu cầu nuôi con. Bà L có công việc và thu nhập ổn định, ông T cũng có công việc và thu nhập ổn định nhưng do các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T khai thu nhập hàng tháng của ông 15.000.000đồng/tháng nếu bà L nuôi con thì ông đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 05 triệu đến 06 triệu đồng /tháng /02 trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ông T đóng góp cấp dưỡng là 5.000.000đồng/tháng/02 trẻ.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà khai không có nên không xem xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương L, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do ông T hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 192/2014, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 20/10/2014, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương L và ông Đinh Viết T là

hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà L nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn, ông T không đồng ý.

Xét, lời khai của các bên đương sự, văn bản xác minh tại địa phương, các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà L, ông T chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Bà L đã từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng sau đó hai bên tự hòa giải được với nhau nên bà L rút đơn. Vợ chồng tiếp tục bất đồng quan điểm sống, cãi vã, có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau. Thực tế bà L, ông T vẫn sống chung nhà nhưng không có tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau. Điều này ông T cũng thừa nhận, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân cần được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và tình cảm từ hai phía, nay bà L xác định không còn tình cảm gì với ông T. Ông T cho rằng còn thương vợ, thương con mong muốn được đoàn tụ gia đình, đây là tình cảm chỉ xuất phát đơn phương từ phía ông T, bà L không đồng ý.

Mặt khác, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa được phương hướng khắc phục để vợ chồng chung sống hạnh phúc nên bà L vẫn không chấp nhận. Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Thực tế bà L, ông T sống chung nhà nhưng việc ai người ấy làm, không quan tâm chia sẻ thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó ông T yêu cầu được đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà L, ông T cùng khai có 02 con chung trẻ Đình Viết Gia K sinh ngày 18/01/2015 và trẻ Đình Kiều An N sinh ngày 25/3/2017. Bà L yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/tháng/02 trẻ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện hai con chung của ông bà còn nhỏ đang sinh sống cùng bà L và ông T. Việc chăm sóc và nuôi dạy con chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ, cũng là quyền lợi của cha mẹ. Bà L, ông T đều có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên việc xem xét giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con, để các trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Các con chung là cháu K sinh năm 2015, cháu An N sinh năm 2017, hai con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/tháng/02 trẻ.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng. Ông T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương L được ly hôn với ông Đinh Viết T. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 192/2014, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 20/10/2014 chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là trẻ Đinh Viết Gia K sinh ngày 18/01/2015 và trẻ Đinh Kiều An N sinh ngày 25/3/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/tháng/02 trẻ (tức 2.500.000đồng/tháng/01 trẻ). Thực hiện ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Trong trường hợp bà L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000đồng được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà L đã tạm nộp theo biên lai số 0011178 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

### 3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- UNND xã C, huyện B.  
tỉnh An Giang
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**